

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	2000024	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	Kinh	Việt Nam	06/02/2002	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	3.38	Giỏi
2	2000823	Phạm Khánh	Duy	Nam	Kinh	Việt Nam	04/5/2002	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	3.10	Khá
3	1900463	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	21/10/2001	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.40	Trung bình
4	1900262	Hồ Đức	Thịnh	Nam	Kinh	Việt Nam	06/3/2001	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.53	Khá
5	1900177	Nguyễn Văn	Thoại	Nam	Kinh	Việt Nam	06/11/2001	Tỉnh Bến Tre	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.51	Khá
6	1900734	Lê Thanh Tường	Vi	Nữ	Kinh	Việt Nam	24/11/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.72	Khá
7	2000019	Lê Thị Hồng	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/10/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.19	Khá
8	2000029	Phan Tuấn	Anh	Nam	Kinh	Việt Nam	15/6/2002	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	3.43	Giỏi
9	2000195	Đoàn Minh	Đức	Nam	Kinh	Việt Nam	19/7/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.66	Khá
10	2000404	Đỗ Anh	Hào	Nam	Kinh	Việt Nam	26/6/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	2.72	Khá
11	2000556	Trần Thị Cẩm	Hương	Nữ	Kinh	Việt Nam	03/5/2002	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.64	Khá
12	2000749	Phan Đức	Huy	Nam	Kinh	Việt Nam	27/5/2002	Tỉnh Vĩnh Long	Quản lý công nghiệp	150	2.76	Khá
13	2000128	Trần Thị Bé	Mơ	Nữ	Kinh	Việt Nam	28/4/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	2.70	Khá
14	2000626	Cù Thị Diễm	My	Nữ	Kinh	Việt Nam	21/7/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.00	Khá
15	2000243	Trần Trọng	Nhân	Nam	Kinh	Việt Nam	21/12/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	3.28	Giỏi
16	2000264	Lâm Hương	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	06/6/2002	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.11	Khá
17	2000344	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/9/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.02	Khá
18	2000350	Lâm	Thuận	Nam	Khmer	Việt Nam	25/01/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	3.02	Khá
19	2000795	Võ Minh	Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	02/9/2002	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.83	Khá
20	2000457	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/6/2002	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	3.12	Khá
21	2001056	Trần Thị Đài	Trang	Nữ	Kinh	Việt Nam	07/5/2002	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.17	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 18/9/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	2001119	Nguyễn Dương	Khang	Nam	Kinh	Việt Nam	30/9/2002	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.86	Khá
2	2001156	Ngô Huỳnh Nhật	Khánh	Nam	Kinh	Việt Nam	21/9/2002	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.73	Khá
3	2001006	Lê Thanh	Liêm	Nam	Kinh	Việt Nam	15/02/2002	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	3.00	Khá
4	2000856	Nguyễn Khắc	Linh	Nam	Kinh	Việt Nam	16/3/2002	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	3.36	Giỏi
5	1900731	Sử Thị Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	18/01/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống thông tin	150	2.75	Khá
6	1900444	Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/10/2001	Tỉnh An Giang	Hệ thống thông tin	150	2.91	Khá
7	1900237	Nguyễn Dương Minh	Ngọc	Nam	Kinh	Việt Nam	12/02/2001	Tỉnh An Giang	Khoa học dữ liệu	150	2.46	Trung bình
8	1900489	Trần Hoàng Minh	Tâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/6/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.13	Trung bình
9	1900513	Trịnh Đình	Hải	Nam	Kinh	Việt Nam	26/02/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.32	Trung bình
10	1900825	Nguyễn Chí	Hiếu	Nam	Kinh	Việt Nam	10/8/2001	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.62	Khá
11	1900491	Lâm Nhật	Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	25/5/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.47	Trung bình
12	1900711	Trần Nhật Thiên	Phú	Nam	Kinh	Việt Nam	09/8/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.59	Khá
13	1900671	Nguyễn Phước	Thọ	Nam	Kinh	Việt Nam	10/4/2001	Tỉnh Trà Vinh	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.29	Trung bình
14	1900675	Đỗ Minh	Tiến	Nam	Kinh	Việt Nam	18/9/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	2.92	Khá
15	2000318	Phạm Minh	Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	29/7/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.46	Trung bình
16	2001090	Lê Kim	Huê	Nữ	Kinh	Việt Nam	05/10/2002	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.17	Khá
17	2000797	Lê Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/02/2002	Tỉnh Hậu Giang	Quản lý công nghiệp	150	2.62	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
18	2000148	Huỳnh Bảo	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/9/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.05	Khá
19	1900359	Võ Quý Minh	Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	19/10/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.64	Khá
20	2000281	Lê Khả	Thi	Nữ	Kinh	Việt Nam	30/6/2002	Tỉnh Vĩnh Long	Quản lý công nghiệp	150	3.15	Khá
21	2000485	Đặng Hoàng	Tỷ	Nam	Kinh	Việt Nam	21/8/2002	Tỉnh Hậu Giang	Quản lý công nghiệp	150	3.40	Giỏi
22	2000824	Nguyễn Trần Thúy	Vi	Nữ	Kinh	Việt Nam	14/3/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý công nghiệp	150	3.04	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 20/9/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1900820	Lê Trí	Hiếu	Nam	Kinh	Việt Nam	30/8/2001	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.36	Trung bình
2	1900128	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	Kinh	Việt Nam	10/01/2001	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	150	2.83	Khá
3	1900574	Lê Trọng	Thái	Nam	Kinh	Việt Nam	17/7/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.99	Khá
4	1900705	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	26/12/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	150	2.53	Khá
5	1900551	Bùi Hữu	Nghĩa	Nam	Kinh	Việt Nam	31/01/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.43	Trung bình
6	1900797	Trần Mỹ	Như	Nữ	Khmer	Việt Nam	16/10/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	2.32	Trung bình
7	2000766	Nguyễn Thị Bích	Trần	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/8/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.37	Giỏi
8	1900458	Mai Hoàng	Tuấn	Nam	Kinh	Việt Nam	06/11/2000	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.62	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 23/9/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1900077	Lê Văn	Thương	Nam	Kinh	Việt Nam	22/7/2000	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.75	Khá
2	1900286	Trần Hoàng	Khôi	Nam	Kinh	Việt Nam	19/4/2001	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.51	Khá
3	1900142	Trần Thanh	Phú	Nam	Kinh	Việt Nam	18/02/2001	Thành phố Cần Thơ	Hệ thống thông tin	150	2.18	Trung bình
4	1900395	Võ Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	03/3/2001	Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống thông tin	150	3.14	Khá
5	1800239	Phạm Công	Luân	Nam	Kinh	Việt Nam	20/10/2000	Tỉnh Vĩnh Long	Khoa học máy tính	152	2.15	Trung bình
6	1900658	Trần Nguyễn	Ân	Nam	Hoa	Việt Nam	18/01/2001	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.19	Trung bình
7	2000280	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/11/2002	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	3.48	Giỏi
8	1800040	Lâm An	Lộc	Nam	Kinh	Việt Nam	09/02/2000	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	152	2.24	Trung bình
9	1800291	Trần Hạo	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	16/02/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý xây dựng	152	2.76	Khá
10	1800250	Lương Bảo	Toàn	Nam	Kinh	Việt Nam	22/5/2000	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	152	2.44	Trung bình

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 25/9/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	2000645	Phan Thế	Khải	Nam	Kinh	Việt Nam	24/6/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.41	Trung bình
2	1800217	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	Kinh	Việt Nam	25/5/2000	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	152	2.30	Trung bình
3	1900366	Lê Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	10/9/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống thông tin	150	2.06	Trung bình
4	1900154	Võ Nguyễn Thái	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/11/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.66	Khá
5	1900832	Ngô Phạm Hoài	Phong	Nam	Kinh	Việt Nam	06/01/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.34	Trung bình

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 27/9/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1900168	Trần Trung	Nghĩa	Nam	Kinh	Việt Nam	21/02/2001	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	3.07	Khá
2	1900633	Lương Chí	Thanh	Nam	Kinh	Việt Nam	04/4/2001	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.62	Khá
3	1900523	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/10/2001	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	150	2.34	Trung bình